

DANH MỤC
CHUẨN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, NÔNG NGHIỆP
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (06 TTHC)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND thành phố)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (02 TTHC)									
I	LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (01 TTHC)									
1	1.011647	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Công nghệ cao số 28/2008/QH12 ngày 13/11/2008; - Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015; - Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025.	
1.1		Trường hợp hồ sơ hợp lệ	30 ngày làm việc							
1.2		Trường hợp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	65 ngày làm việc							
II	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP (01 TTHC)									
1	1.003371	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	18 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018; Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025.	
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (02 TTHC)									
I	LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (01 TTHC)									
1	1.009478	Đăng ký công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc	05 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Kiểm lâm/Chi cục Thủy	150.000 đồng		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa 05/2007/QH12 ngày	02 đơn vị thực hiện: - Chi cục Trồng trọt và Kiểm

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
		gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phát hành		sản, Chăn nuôi và Thú y					21/11/2007; - Các Nghị định: số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007; số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; - Các Thông tư: Số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012; số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016; số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017; số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020; - Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025.	lâm - Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y
II LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP (01 TTHC)										
1	1.003618	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60 ngày	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018; - Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 21/5/2024. - Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025.	
C THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN (01 TTHC)										
I LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP (01 TTHC)										
1	1.003605	Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)	60 ngày	UBND cấp huyện	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả	- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018;	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
								kết quả	-Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025.	
D	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ (01 TTHC)									
I	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP (01 TTHC)									
1	1.003596	Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	60 ngày	UBND cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018; -Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025.	